

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày: 13/3/2018
*Về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTH, TỈNH TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **DƯƠNG THỊ TƯ.**

2. Ông **ĐỖ THÀNH NGỌC.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **PHẠM HỒNG THÚY LIỄU** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HTh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTh tham gia phiên tòa:* Ông **ĐẶNG QUỐC SĨ** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HTh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **TTHL**, sinh năm 1974. Địa chỉ: 233/21, đường NTr, phường NCTr, Q1, TpHCM (có mặt).

* *Bị đơn:* Bà **PTTN**, sinh năm 1958 và ông **Ng**, sinh năm 1954, cùng địa chỉ: M76/6, ấp HH, xã HT, huyện HTh, tỉnh TN (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2017 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà TTHL trình bày như sau:

Bà TTHL với vợ chồng bà PTTN và ông Ng biết nhau do có quan hệ họ hàng. Ngày 14/8/2013 âm lịch, bà L có cho vợ chồng bà N, ông Ng vay số tiền 100.000.000

đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ, khi nào bà L cần lấy lại tiền thì báo cho bà N, ông Ng trước 01 tháng, khi chưa trả tiền gốc thì vẫn trả tiền lãi đầy đủ, vay không thế chấp tài sản, khi vay thì bà N và ông Ng là người trực tiếp vay và nhận tiền, việc giao nhận tiền tại nhà bà N; vay có làm giấy biên nhận do bà N tự viết và tự ký, do không hiểu biết pháp luật nên bà L không có yêu cầu ông Ng cùng ký tên vào giấy biên nhận với bà N.

Sau đó, bà N có trả lãi cho bà L nhiều lần với số tiền 8.700.000 đồng thì không trả nữa, do bà N không trả lãi đúng thỏa thuận nên bà L yêu cầu bà N trả lại tiền gốc, bà N đã trả cho bà L được 03 lần cụ thể:

+ Lần 1 ngày 09/12/2013 âm lịch trả số tiền 20.000.000 đồng;

+ Lần 2 ngày 25/02/2014 âm lịch trả số tiền 15.000.000 đồng;

+ Lần 3 ngày 10/3/2014 âm lịch trả số tiền 25.000.000 đồng.

Tổng cộng bà N đã trả cho bà L được số tiền 60.000.000 đồng, còn nợ lại bà L số tiền 40.000.000 đồng thì không trả nữa.

Nay bà L yêu cầu vợ chồng bà N, ông Ng cùng có Ng vụ trả cho bà L số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà PTTN và ông Trần Trọng Ng đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTh trình bày:

Về thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã thực hiện quyền và Ng vụ tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà PTTN và ông Ng đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Ng là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà N và ông Ng. Buộc bà N, ông Ng có Ng vụ trả cho bà L số tiền 40.000.000 đồng, ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi. Bà N, ông Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà PTTN và ông Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Ng là đúng theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện, bà L khởi kiện yêu cầu bà N và ông Ng cùng có Ng vụ trả nợ cho nên ông Ng được xác định là bị đơn trong vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về thời hiệu khởi kiện: Quan hệ vay tiền giữa bà L và vợ chồng bà N, ông Ng được xác lập vào ngày 14/8/2013 âm lịch, lần cuối cùng bà N trả nợ cho bà L vào ngày 10/3/2014 âm lịch (nhằm ngày 09/4/2014 dương lịch) nên thời hiệu khởi kiện vụ án tính từ ngày 09/4/2014. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện được 03 năm nên đến ngày 10/4/2017 thì thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết. Tuy nhiên, từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có yêu cầu tòa án áp dụng thời hiệu nên vụ án không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ngày 14/8/2013 âm lịch, bà TTHL có cho vợ chồng bà PTTN và ông Ng vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, vay không thỏa thuận thời hạn trả, khi nào bà L cần lấy lại tiền thì báo trước cho bà N trước 01 tháng, khi chưa trả tiền gốc thì trả tiền lãi đầy đủ, vay không thế chấp tài sản, bà N và ông Ng là người trực tiếp vay tiền và nhận tiền, việc giao nhận tiền tại nhà bà N, sau khi nhận tiền bà N tự viết và ký tên vào giấy biên nhận, ông Ng không ký. Sau đó, bà N có trả lãi cho bà L được số tiền 8.700.000 đồng thì không trả nữa nên bà L yêu cầu bà N trả lại tiền gốc, từ ngày 09/12/2013 âm lịch đến ngày 10/3/2014 âm lịch, bà N trả cho bà L 03 lần với số tiền gốc là 60.000.000 đồng, còn lại số tiền 40.000.000 đồng thì không trả nữa nên hai bên phát sinh tranh chấp, đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu bà N và ông Ng cùng có Ng vụ trả số tiền 40.000.000 đồng thấy rằng:

[3.1]. Xét chứng cứ nguyên đơn xuất trình là bản chính giấy biên nhận ngày 14/8/2013 âm lịch, nội dung thể hiện bà PTTN có nợ bà L số tiền 100.000.000 đồng, trong giấy biên nhận có chữ ký của bà PTTN. Mặt sau của giấy biên nhận có phần ghi thêm của bà L thể hiện bà N đã trả cho bà L 03 lần với số tiền là 60.000.000 đồng. Trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án, bà N và ông Ng không đến Tòa án để làm việc, dự phiên họp, phiên hòa giải, xét xử mặt dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, có căn cứ khẳng định việc vay tiền giữa bà L và bà N là có thật, số tiền vay ban đầu là

100.000.000 đồng vào ngày 14/8/2013 âm lịch, đến ngày 10/3/2014 âm lịch (nhằm ngày 09/4/2014 dương lịch) bà N đã trả lại cho bà L 03 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, bà N còn nợ bà L lại số tiền 40.000.000 đồng nên bà N không đến làm việc theo giấy mời của Tòa án nhằm trốn tránh Ng vụ trả nợ đối với bà L.

[3.2]. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, bà L trình bày việc vay tiền là do bà N và ông Ng trực tiếp vay tiền và nhận tiền của bà L, sau khi vay tiền bà N tự viết giấy biên nhận và ký tên, do không hiểu biết pháp luật nên bà L không có yêu cầu ông Ng cùng ký. Tuy nhiên, bà L không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, theo giấy biên nhận ông Ng không có ký tên nên việc vay tiền không liên quan đến ông Ng, có căn cứ khẳng định đây là Ng vụ phát sinh từ giao dịch do một bên bà N xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình nên có căn cứ xác định đây là nợ riêng của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà TTHL đối với bà PTTN và ông Ng. Buộc bà PTTN có Ng vụ trả cho bà TTHL số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 40.000.000 đồng x 5%= 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; **Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014**; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà TTHL đối với bà PTTN và ông Ng.

Buộc bà PTTN có Ng vụ trả cho bà TTHL số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà PTTN phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà TTHL số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu số 0004655 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HTh, tỉnh TN.

Bà TTHL được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bà PTTN và ông Ng vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HTh;
- Chi cục THA DS huyện HTh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng